

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 01/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bùi Văn Hồng

2. Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: tòa nhà CC5, khu Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàn Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trịnh Thị Bích H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H theo Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Thái Thanh T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội huyện H theo văn bản ủy quyền số 105/QĐ-PGD ngày 25/7/2017. Có mặt

Bị đơn: Bà Lê Thị Tố N, sinh năm 1969

Trú tại: tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Thái Thanh T trình bày:

Ngày 26/3/2013, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có cho bà Lê Thị Tố N vay hai khoản vay với tổng số tiền 20.000.000đ chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Đến ngày 10/11/2013, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam lại tiếp tục cho bà N vay thêm số tiền 20.000.000đ cho hai khoản vay trên. Khi vay, các bên có thỏa thuận thời hạn trả gốc là ngày 12/11/2018, tiền lãi trả hàng tháng với mức lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng (tùy theo số ngày trong tháng là bao nhiêu thì số tiền lãi trong tháng được tính như sau: tiền lãi trong tháng = số ngày trong tháng x mức lãi suất ngày là 0,02167%).

Đối với khoản vay trường hợp sinh viên Huỳnh Ngọc T với mã món vay 6000005000098518: Ngày 26/3/2013, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B đã giải ngân số tiền 10.000.000đ; ngày 10/11/2013, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện H đã giải ngân với số tiền 10.000.000đ, tổng cộng bà N đã nhận số tiền 20.000.000đ. Bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 11.400.000đ, trong đó ngày 24/12/2018 trả số tiền 10.000.000đ, ngày 19/3/2019 trả số tiền 1.400.000đ. Số tiền lãi bà N đã trả là 5.817.757đ. Hiện nay bà N còn nợ số tiền gốc là 8.600.000đ, tiền lãi từ ngày 24/3/2017 đến ngày xét xử (01/7/2019) là 3.308.143đ.

Đối với khoản vay trường hợp sinh viên Huỳnh Thị Ngọc Tr với mã món vay 6000005000098517: Ngày 26/3/2013, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B đã giải ngân số tiền 10.000.000đ; ngày 10/11/2013, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện H đã giải ngân số tiền 10.000.000đ, tổng cộng bà N đã nhận số tiền 20.000.000đ. Bà N chưa trả số tiền gốc cho Ngân hàng và đã trả được số tiền lãi là 617.757đ. Đến nay, bà N còn nợ số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2013 đến ngày xét xử (01/7/2019) là 8.831.943đ.

Do Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền đã vay cùng tiền lãi nhưng bà N vẫn không thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền gốc còn nợ là 28.600.000đ và tiền lãi vay tính đến ngày xét xử (01/7/2019) là 12.140.086đ, tổng cộng là 40.740.086đ và tiền lãi tính từ ngày xét xử cho đến ngày bà N trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N vắng mặt nên không thu thập được lời khai của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cơ bản đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, bị đơn vắng mặt không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Tố N trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc và lãi vay còn nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện buộc bà Lê Thị Tố N cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Tố N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bà N theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, anh Trần Thái Thanh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N trả tiền nợ gốc là 28.600.000đ và tiền lãi vay tính đến ngày xét xử (01/7/2019) là 12.140.086đ, tổng cộng là 40.740.086đ. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thấy rằng:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay), thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi vay, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền gốc:

Căn cứ vào sổ vay vốn cùng phần phê duyệt của Ngân hàng tại Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay thì tháng 3/2013, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và bà Lê Thị Tố N có thỏa thuận việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cho bà N vay số tiền 20.000.000đ chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, trường hợp đối với hai sinh viên Huỳnh Ngọc T và Huỳnh Thị Ngọc Tr.

Khi vay, các bên thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 20.000.000đ.
- Lãi suất: 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.
- Thời hạn cho vay là 55 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần.
- Số tiền trả nợ là 10.00.000đ/lần, hạn cuối cùng trả là ngày 11/11/2017.
- Lãi suất vay được trả hàng tháng vào ngày 10

Ngày 10/11/2013, bà N vay thêm số tiền 20.000.000đ cho cả hai khoản vay trên, thời hạn trả nợ gốc là ngày 12/11/2018.

Ngày 26/3/2013, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B giải ngân số tiền 20.000.000đ thể hiện qua các phiếu chi 245282, 245283; ngày 10/11/2013, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H giải ngân số tiền 20.000.000đ qua các phiếu chi số 023, 024. Tất cả các phiếu chi trên đều có chữ ký nhận của bà N. Điều này thể hiện bà N đã nhận đủ số tiền vay là 40.000.000đ.

Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/11/2018 nhưng đến nay bà N mới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 11.400.000đ và còn nợ số tiền gốc là 28.600.000đ. Như vậy, bà N đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền nên Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền gốc là 28.600.000đ là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Đối với khoản vay trường hợp sinh viên Huỳnh Ngọc T với mã món vay 6000005000098518: số tiền vay 20.000.000đ, bà N đã trả được tiền lãi đến ngày 23/3/2017, số tiền lãi bà N còn nợ được tính như sau:

Từ ngày 24/3/2017 đến ngày 12/11/2018, số tiền lãi trong hạn là :

$20.000.000đ \times 0.65\% \times 19 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 2.552.346đ$

Từ ngày 13/11/2018 đến ngày 24/12/2018, số tiền lãi quá hạn là:

$20.000.000đ \times 0,845\% \times 1 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 230.974đ$

Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 19/3/2019, số tiền lãi quá hạn là:

$10.000.000đ \times 0,845\% \times 2 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 230.974đ$

Từ ngày 20/3/2019 đến ngày 01/7/2019, số tiền lãi quá hạn là:

$8.600.000đ \times 0,845\% \times 3 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 244.655đ.$

Tổng cộng là 3.258.949đ

Đối với khoản vay trường hợp sinh viên Huỳnh Thị Ngọc Tr với mã món vay 6000005000098517: số tiền vay 20.000.000đ, bà N đã trả được tiền lãi đến ngày 09/12/2013, số tiền lãi bà N còn nợ được tính như sau:

Từ ngày 10/12/2013 đến ngày 12/11/2018, số tiền lãi trong hạn là:

$20.000.000đ \times 0,65\% \times 59 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 7.765.634đ$

Từ ngày 13/11/2018 đến ngày 01/7/2019, số tiền lãi quá hạn là:

$20.000.000đ \times 0,845\% \times 7 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 1.284.412đ$

Tổng cộng là 8.960.046đ.

Tổng cộng số tiền lãi bà N phải trả là 12.218.995đ

Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 12.140.086đ, ít hơn số tiền lãi mà bà N còn phải trả là có lợi cho bà N, cần chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, buộc bà Lê Thị Tố N phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 40.740.086đ (bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm tám mươi sáu đồng) trong đó bao gồm 28.600.000đ tiền gốc và 12.140.086đ tiền lãi tính đến ngày 01/7/2019.

Bà Lê Thị Tố N có nghĩa vụ trả số tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng có các mã món vay là 6000005000098517 và 6000005000098518 (sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) kể từ ngày 02/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Tố N phải nộp 2.037.004đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (ngày niêm yết bản án) theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải